

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212; 213; Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55; Điều 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016
của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu
nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 323/2024/TLST-HNGĐ
ngày 07/6/2024 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” gồm những
người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Trần Văn G, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Phố L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hoá.

2. Chị Phan Thị N, sinh năm 1994

Nơi ĐKKHKT: Phố L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hoá.

Nơi ở hiện nay: Thôn S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hoá.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 6 năm 2024, các
đương sự xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống chung
không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Trần Văn G và chị
Phan Thị N không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, anh, chị đã thoả
thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ việc dân sự. Nội
dung thoả thuận cụ thể như sau:

[1] *Về hôn nhân*: Anh Trần Văn G, chị Phan Thị N thống nhất thuận tình ly
hôn và đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn cho anh, chị.

[2] *Về con chung*: Anh G, chị N có 02 con chung tên là Trần Minh T, sinh
ngày 30/3/2012, Trần Minh T1, sinh ngày 31/12/2017. Ly hôn anh, chị thống
nhất: Anh G trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Minh T1, chị N trực tiếp nuôi dưỡng
cháu Trần Minh T. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi chung với ai.

[3] *Về tài sản và công nợ chung*: Anh Trần Văn G, chị Phan Thị N thống
nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về lệ phí*: Anh G, chị N thoả thuận chị N chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ
thẩm.

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự

nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn G và chị Phan Thị N.

- *Về con chung*: Anh G, chị N có 02 con chung tên là Trần Minh T, sinh ngày 30/3/2012, Trần Minh T1, sinh ngày 31/12/2017. Anh G trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Minh T1, chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Minh T. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi chung với ai.

Anh G, chị N có quyền đi lại thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở.

- *Về tài sản và công nợ chung*: Anh G, chị N thống nhất, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Về lệ phí*: Anh Trần Văn G, chị Phan Thị N thống nhất chị N chịu 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu số 0001589 ngày 06/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hoá. Chị N đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.Thanh Hoá;
- Chi cục THADSTP.Thanh Hoá;
- UBND P.Đ,
TP.T, tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ./.

THẨM PHÁN

Mai Thị Lý